

15/11/2019; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A D do Tòa án chỉ định:* Luật sư Đèo Văn H1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn B do Tòa án chỉ định:* Luật sư Vũ Đức Th - Văn phòng luật sư Thăng Long Hà Nội, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2019, Trịnh Văn B đang ở nhà tại bản Tát Ng, xã Chiềng H, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La thì có hai người đàn ông không quen biết đến, một người tự giới thiệu tên là T3 nhà ở Hải Phòng đặt vấn đề mua Heroine với số lượng lớn (từ 07 bánh trở lên) với giá 140.000.000 đồng/1 bánh. B đồng ý nói sẽ đi tìm, khi nào có sẽ thông báo sau và hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc, trao đổi xong, T3 và người đàn ông đi cùng đi đâu B không biết. Sau đó, B nói với Giàng A D (B nhận D làm con nuôi đang ở tại nhà B chăm sóc B do bị gãy chân) đi tìm mua Heroine từ 10 bánh trở lên về bán cho khách của B, D nhất trí. Khoảng 01 tháng sau, D đi về nhà ở bản Ông L, xã Chiềng Kh, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La và gọi điện cho người đàn ông dân tộc Mông Lào tên Nénh (không rõ địa chỉ ở đâu bên Lào), D quen Nénh từ đầu năm 2019 (khi Nénh sang chơi tết ở bản Căng T2, xã Chiềng Kh) hỏi mua của Nénh 10 bánh Heroine, Nénh đồng ý. Khoảng 2-3 ngày sau, Nénh gọi điện thông báo đã có 10 bánh Heroine bán với giá 125.000.000 đồng/1 bánh. D nói cho mua nợ, khi nào bán được sẽ trả tiền sau, Nénh đồng ý. Trao đổi với Nénh xong, D thông báo cho B biết đã có 10 bánh Heroine, B bảo D tìm mua thêm vì khách cần nhiều, D đã gọi điện bảo Nénh tìm thêm ma túy về bán cho D. Khoảng 03 ngày sau Nénh thông báo đã có thêm 07 bánh Heroine. D nói với B đã có 17 bánh Heroine, D mua với giá 125.000.000 đồng/1 bánh, hai người thống nhất sẽ bán cho khách của B với giá 140.000.000 đồng/1 bánh, lãi chia nhau. Đến ngày 16/4/2019, B gọi điện bảo T3 đã có ma túy, T3 hẹn mấy ngày sau sẽ lên nhận ma túy và B gọi điện bảo D đi lấy ma túy về để bán cho khách. Ngày 18/4/2019, D gọi điện cho Nénh và hẹn ngày hôm sau gặp Nénh tại bản Căng T2, xã Chiềng Kh, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La (khu vực giáp biên giới Việt Nam - Lào). Sáng ngày 19/8/2019, D đi bộ đến điểm hẹn gặp Nénh, khi đến đã thấy Nénh đứng đợi, Nénh điều khiển xe máy chở D đi sang nhà Nénh ở bên Lào (cách biên giới khoảng 10km, không rõ địa chỉ cụ thể). Tại đây, Nénh đưa cho D 01 ba lô bên trong chứa 17 bánh Heroine. Giao nhận ma túy xong, Nénh điều khiển xe máy đưa D theo đường cũ về bản Căng T2, xã Chiềng Kh, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La. D mang ba lô chứa ma túy đi bộ theo đường rừng đến khu vực Quốc lộ 6 thuộc địa phận bản Tà Liết (Niết), xã Chiềng H, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La cất giấu trong

học đá (cách đường Quốc lộ 6 khoảng 16m). Khoảng 10h ngày 20/4/2019, T3 gọi điện cho B thông báo đang ở khu vực công rừng thông Bản A, Đông S, Mộc Ch, bảo B đến gặp để trao đổi mua bán ma túy. B gọi điện bảo D đến khu vực rừng thông Bản Áng để kiểm tra tiền của khách mua ma túy. Khi đến điểm hẹn D gặp B đang đứng đợi, B dẫn D lên một chiếc xe ô tô (không nhớ biển kiểm soát) thấy T3 và một người đàn ông không quen biết đang ngồi trên xe. Người đàn ông đi cùng T3 đưa một túi tiền cho D và nói đủ 2.380.000.000 đồng (D mở túi ra thấy tiền có nhiều mệnh giá khác nhau, nhưng không đếm số lượng cụ thể). Kiểm tra tiền xong D bảo B đi về trước, còn D sẽ đi theo xe lấy ma túy giao cho T3 và cầm tiền về. Sau đó, D bảo T3 đi ô tô chở D (trên xe lúc này còn có người đàn ông đi cùng T3) đi theo đường Quốc lộ 6 lên khu vực bản Tà Liệt, xã Chiềng H, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La (chỗ D cất giấu ma túy). Khi đến gần chỗ cất giấu ma túy, D bảo T3 dừng xe đứng đợi còn D xuống xe đi bộ đến chỗ hốc đá cất giấu ma túy trước đó lấy 17 bánh Heroine mang ra chỗ T3, khi D chuẩn bị giao ma túy cho T3 thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Sơn La phát hiện, bắt người phạm tội quả tang đối với Giàng A D còn T3 và người đàn ông đi cùng lái xe bỏ chạy thoát.

Vật chứng thu giữ: 17 bánh bột nén màu trắng (nghĩ là Heroine); 01 ba lô, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IteL.

Ngày 20/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Sơn La thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh vật chứng xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định số vật chứng thu giữ của Giàng A D: 17 bánh hình chữ nhật màu trắng có tổng khối lượng 5,665,24gam. Trích lấy 16,07gam ký hiệu từ D1 đến D17 làm mẫu trưng cầu giám định.

Kết luận giám định số 797 ngày 22/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu từ D1 đến D17 đều là ma túy; loại Heroine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 16,02gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 5.665,24gam, loại Heroine”*.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án gồm: 17 bánh Heroine có tổng khối lượng 5.665,24gam, Giàng A D khai mua của người đàn ông dân tộc Mông Lào tên Nénh (không rõ họ tên, địa chỉ) để bán cho người đàn ông tên T3 ở Hải Phòng và người đàn ông đi cùng T3 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra.

Quá trình điều tra đến ngày 05/7/2019, Giàng A D mới khai ra Trịnh Văn B, nơi cư trú: bản Tát Ng, xã Chiềng H, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La, đồng phạm cùng tham gia trong vụ án. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối tượng có liên quan Trịnh Văn B tại nơi cư trú, xác định đúng, có đối tượng như lời khai của D để làm căn cứ cho công tác điều tra.

Ngày 15/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trịnh Văn B. Vật chứng thu giữ

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Cáo trạng số 20/VKS-P1 ngày 07/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên bố các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A D tử hình.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn B tử hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2020, bị cáo Giàng A D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 05/6/2020, bị cáo Trịnh Văn B kháng cáo kêu oan cho rằng không được mua bán ma túy với Giàng A D, bị cáo khai ra B vì bị ép cung, nhục hình chứ thực ra B không liên quan đến việc bị cáo mua bán ma túy.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Giàng A D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm của bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên cho rằng việc mua bán ma túy của bị cáo không liên quan đến Trịnh Văn B, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội được trở về làm người có ích cho xã hội.

Bị cáo Trịnh Văn B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng bản thân bị cáo không có hành vi liên quan đến việc mua bán ma túy với Giàng A D, tại cơ quan điều tra do bị cáo bị ép cung, dùng nhục hình nên mới khai nhận, cơ quan điều tra vi phạm pháp luật trong việc điều tra đối với bị cáo, bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Giàng A D có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo D là đúng người, đúng tội, tuy nhiên mức hình phạt thì quá nặng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, bản thân bị cáo không biết chữ, hạn chế về nhận thức pháp luật, gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Giàng A D.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn B có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra vi phạm thủ tục tố tụng trong việc giám định, niêm phong vật chứng cũng như không có luật sư bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định trưng cầu giám định lại đối với vật chứng của vụ án, xem xét có sự mâu thuẫn giữa lời khai của bị cáo D với lời khai của bị cáo B, các chứng cứ trong hồ sơ có nhiều mâu thuẫn, từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan như nội dung kháng cáo của bị cáo B. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, trọng lượng ma túy các bị cáo mua bán cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B mức án phạt tử hình là đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần đối đáp đại diện Viện kiểm sát và các luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm tại phần tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Giàng A D đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trịnh Văn B đề nghị minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Giàng A D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo Trịnh Văn B tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên bị cáo Trịnh Văn B không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, bị cáo D cho rằng tại cơ quan điều tra bị ép cung, nhục hình nên mới khai ra bị cáo B, còn bị cáo B cho rằng bị ép cung, nhục hình nên mới nhận tội nhưng các bị cáo đều không đưa ra được căn cứ chứng minh. Bị cáo Giàng A D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại của bị cáo B tại cơ quan

điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về việc B bảo D đi tìm mua ma túy về bán cho khách của B để kiếm lời; về thời gian, địa điểm, sự có mặt của người đàn ông tên T3 mua ma túy của các bị cáo, do đó có đủ cơ sở xác định: Ngày 20/4/2019, Giàng A D bị bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi trao đổi mua bán 17 bánh Heroine, có tổng khối lượng là 5.665,24 gam tại khu vực bản Tà Liết, xã Chiềng H, huyện Mộc Ch, tỉnh Sơn La. Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra D đã khai ra Trịnh Văn B là người trực tiếp bảo D đi tìm mua ma túy đem về bán cho khách của B để kiếm lời. Việc Trịnh Văn B thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm không thừa nhận được trao đổi bảo D đi tìm mua ma túy về bán cho khách của B, không được tham gia mua bán ma túy với D là không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Trịnh Văn B: Như đã phân tích ở trên, việc bị cáo B thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của mình là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo B cũng như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giàng A D thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là rất lớn (5.665,24gam), hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây nguy hại rất lớn cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm khác, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Mặc dù bị cáo Giàng A D luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, đã khai ra bị cáo B để giúp cơ quan điều tra giải quyết vụ án, tuy nhiên căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt như nội dung kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2020/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Giàng A D tử hình.
- Bị cáo Trịnh Văn B tử hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (18/11/2020), các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B có quyền gửi đơn xin ân giảm hình phạt tử hình lên Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Án phí: Các bị cáo Giàng A D, Trịnh Văn B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- TTG - CA tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Ngô Tự Học

